

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối năm
Năm học 2024 - 2025

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Tổng số HS xếp loại cuối năm	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học	329	58	58	59	78	76
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học	1	1	0	0	0	0
Khen thưởng	143	31	24	28	33	27
II. Tổng số HS xếp loại môn học						
1.Tiếng Việt (Lớp 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	233	46	38	40	64	45
- Hoàn thành	96	12	20	19	14	31
- Chưa hoàn thành	1	1	0	0	0	0
2.Toán (Lớp 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	260	53	48	43	69	47
- Hoàn thành	70	6	10	16	9	29
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học (Lớp 4,5)	154				78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	140				74	66
- Hoàn thành	14				4	10
- Chưa hoàn thành	0				0	0
4. Lịch sử & Địa lý (Lớp 4,5)	154				78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	140				75	65
- Hoàn thành	14				3	11
- Chưa hoàn thành	0				0	0
5. Ngoại ngữ (Tiếng anh) (Lớp 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	281	49	52	47	69	64
- Hoàn thành	49	10	6	12	9	12
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
6. Đạo đức (Lớp 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	251	49	45	45	60	52
- Hoàn thành	79	10	13	14	18	24
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
7.Tự nhiên và Xã hội (Lớp 1,2,3)	176	59	58	59		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	129	43	40	46		
- Hoàn thành	47	16	18	13		
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0		
8. Hoạt động trải nghiệm (Lớp 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	237	44	42	47	52	52
- Hoàn thành	93	15	16	12	26	24
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

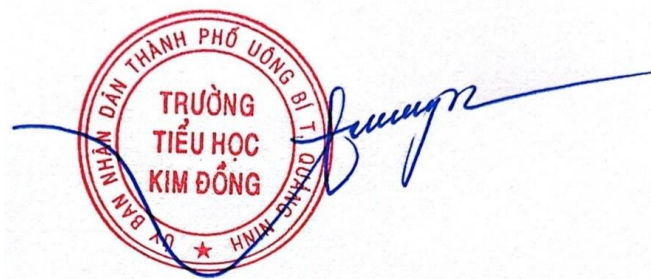
9. NT (Âm nhạc 1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	218	38	42	38	44	56
- Hoàn thành	112	21	16	21	34	20
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
10. NT (Mĩ thuật 1,2,3,4,5);	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	217	36	39	39	53	50
- Hoàn thành	113	23	19	20	25	26
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11. GDTC (1,2,3,4,5)	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	233	38	44	42	56	53
- Hoàn thành	97	21	14	17	22	23
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ) (3,4,5)	213			59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	179			51	67	61
- Hoàn thành	34			8	11	15
- Chưa hoàn thành	0			0	0	0
13. Tin học và Công nghệ (Tin học) (3,4,5)	213			59	78	76
Chia ra: - Hoàn thành tốt	174			45	69	60
- Hoàn thành	39			14	9	16
- Chưa hoàn thành	0			0	0	0
III. Những năng lực cốt lõi						
A. Năng lực chung						
1. Tự chủ và tự học	321	50	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	231	47	38	37	59	50
- Đạt	98	11	20	22	19	26
- Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	231	47	42	34	62	46
- Đạt	99	12	16	25	16	30
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	329	59	58	59	78	75
Chia ra: - Tốt	152	33	26	24	44	25
- Đạt	177	25	32	35	34	51
- Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
B. Năng lực đặc thù						
1. Ngôn ngữ	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	232	46	38	39	64	45
- Đạt	97	12	20	20	14	31
- Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
2. Tính toán	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	260	53	48	43	69	47
- Đạt	70	6	10	16	9	29
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	262	43	40	39	74	66
- Đạt	68	16	18	20	4	10
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0

4. Công nghệ	213		0	59	78	76
Chia ra: - Tốt	177		0	49	67	61
- Đạt	36		0	10	11	15
- Cần cố gắng	0		0	0	0	0
5. Tin học	213		0	59	78	76
Chia ra: - Tốt	173		0	44	69	60
- Đạt	40		0	15	9	16
- Cần cố gắng	0		0	0	0	0
6. Thẩm mỹ	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	219	40	39	38	53	49
- Đạt	111	19	19	21	25	27
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
7. Thể chất	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	235	38	45	42	56	54
- Đạt	95	21	13	17	22	22
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
IV. Những phẩm chất chủ yếu						
1. Yêu nước	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	320	54	58	59	78	71
- Đạt	10	5	0	0	0	5
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	291	58	49	44	75	65
- Đạt	39	1	9	15	3	11
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	177	40	30	31	43	33
- Đạt	152	18	28	28	35	43
- Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
4. Trung thực	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	266	47	47	49	62	61
- Đạt	64	12	11	10	16	15
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	330	59	58	59	78	76
Chia ra: - Tốt	218	42	37	35	60	44
- Đạt	112	17	21	24	18	32
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
V. Khen thưởng						
- Giấy khen cấp trường	143	31	24	28	33	27
- Giấy khen cấp trên	24			5	20	
+ Giải chữ đẹp cấp thành phố	4			2	1	1
+ Giải TDTT cấp thành phố	1				1	
+ Giải HSNK cấp thành phố	2			2		
+ Giải Tiếng Anh IEO cấp thành phố	1				1	
+ Giải Tiếng Anh IEO cấp tỉnh	1			1		
+ Giải EDUPIA cấp thành phố (công nhận)	19			6	6	7
+ Giải EDUPIA cấp tỉnh (công nhận)	12			4	5	3
+ Giải EDUPIA vòng đặc biệt (tham gia)	1				1	

VI. HSDT được trợ giảng	0			0		
VII. HS.K.Tật	9	01	02	0	03	03
VIII. HS bỏ học kỳ II	0	0	0	0	0	0
+ Có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn						
+ Xa trường, đi lại khó khăn						
+ Ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh						
+ Học lực yếu kém						
+ Nguyên nhân khác						
+ Bệnh, không đủ sức khỏe						
+ Mất tích, đã mất.						
+ Rút hồ sơ						
+ Du học						
+ Định cư nước ngoài						
+ Bị đuổi học						
+ Bảo lưu kết quả						
+ Chuyển sang học nghề						
+ Do kỳ thi						
IX. Chương trình lớp học	329	58	58	59	78	76
Hoàn thành	329	58	58	59	78	76
Chưa hoàn thành	1	01	0	0	0	0
X. Kết quả giáo dục	330	59	58	59	78	76
Hoàn thành xuất sắc	81	23	15	12	18	13
Hoàn thành tốt	54	7	9	12	14	12
Hoàn thành	194	28	34	35	46	51
Chưa hoàn thành	1	01	0	0	0	0

Uông Bí, ngày 16 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hồng Luyện